



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

06 TRƯỞNG
05 CR

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT) - MH1104232

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110423202 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/15/25 Giờ thi: 10:00 Phòng thi: A17

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1		5.0	Năm không	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006	C26TM1		5.0	Năm không	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006	C26TM1		5.0	Năm không	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	18/03/2006	C26TM1		5.0	Năm không	
5	2410160011	Phạm Văn	17/05/2000	C26TM1		8.0	Tám không	
6	2410160012	Nguyễn Minh	07/09/2006	C26TM1		6.0	Sáu không	
7	2410160004	Phan Nhật	10/7/2004	C26TM1		9.0	Chín không	
8	2410160022	Lê Ngọc	30/01/2006	C26TM1		5.0	Năm không	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	02/05/2006	C26TM1		7.5	Bảy năm	
10	2410160027	Nguyễn Đăng	27/08/2006	C26TM1		7.0	Bảy không	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	28/12/2006	C26TM1		7.0	Bảy không	
12	2410160019	Dương Hiểu	04/04/2000	C26TM1		5.0	Năm không	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	16/02/2006	C26TM1		6.0	Sáu không	
14	2410160024	Nguyễn Quốc	15/06/2006	C26TM1				22
15	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006	C26TM1		7.5	Bảy năm	
16	2410160020	Đào Thị Hồng	23/08/2006	C26TM1		6.5	Sáu năm	
17	2410160006	Trần Thị Kiều	19/05/2004	C26TM1		8.0	Tám không	
18	2410160003	Tổng Đức	25/11/2002	C26TM1		6.0	Sáu không	
19	2410160001	Trần Lâm	11/11/2005	C26TM1		6.0	Sáu không	
20	2410160005	Trần Huỳnh	26/10/2005	C26TM1		7.0	Bảy không	
21	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	30/11/2006	C26TM1		5.0	Năm không	
22	2410160023	Nguyễn Như	11/11/2006	C26TM1		8.5	Tám năm	
23	2410100014	Nguyễn Lê Băng	20/04/2006	C26TM1		5.0	Năm không	
24	2410160007	Lâm Trung	10/07/1994	C26TM1		9.0	Chín không	
25	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	06/11/2006	C26TM1		5.0	Năm không	
26	2410160014	Trương Thảo	26/04/2006	C26TM1		5.0	Năm không	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006	C26TM1	<i>Hlyn</i>	6.5	Sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 01 Số bài thi: 26 / 27.

Ngày 24 tháng 5 năm 2025.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Nhan
Trần Thị Hoa

Nhanh
Chu Chí Lê Hoàng

TRƯỚC

17/05/2025

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT) - MH1104232

Mã lớp học phần: 24311MH110423202 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi 20/16/25 Giờ thi: 10:00 Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1	<u>AP</u>	6.0	Sau không	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006	C26TM1	<u>Đac</u>	6.0	Sau không	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006	C26TM1	<u>l</u>	6.0	Sau không	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	18/03/2006	C26TM1	<u>l</u>	5.5	Năm năm	
5	2410160011	Phạm Văn	17/05/2000	C26TM1	<u>Đc</u>	8.0	Tam không	
6	2410160012	Nguyễn Minh	07/09/2006	C26TM1	<u>Đus</u>	6.0	Sau không	
7	2410160004	Phan Nhật	10/7/2004	C26TM1	<u>Huy</u>	7.5	Bảy năm	
8	2410160022	Lê Ngọc	30/01/2006	C26TM1	<u>Đx</u>	6.5	Sau năm	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	02/05/2006	C26TM1	<u>Quynh</u>	5.5	Năm năm	
10	2410160027	Nguyễn Đăng	27/08/2006	C26TM1	<u>Đac</u>	5.5	Năm năm	
11	2410160016	Đào Thị Ngọc	28/12/2006	C26TM1	<u>Đac</u>	6.0	Sau không	
12	2410160019	Dương Hiếu	04/04/2000	C26TM1	<u>Huor</u>	6.0	Sau không	
13	2410160015	Phạm Trần Thảo	16/02/2006	C26TM1	<u>Đac</u>	6.0	Sau không	
14	2410160024	Nguyễn Quốc	15/06/2006	C26TM1				
15	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006	C26TM1	<u>gonghi</u>	7.0	Bảy không	L2
16	2410160020	Đào Thị Hồng	23/08/2006	C26TM1	<u>Ru</u>	6.0	Sau không	
17	2410160006	Trần Thị Kiều	19/05/2004	C26TM1	<u>Oanh</u>	6.5	Sau năm	
18	2410160003	Tổng Đức	25/11/2002	C26TM1	<u>Đhoc</u>	7.0	Bảy không	
19	2410160001	Trần Lâm	11/11/2005	C26TM1	<u>Đ</u>	6.0	Sau không	
20	2410160005	Trần Huỳnh	26/10/2005	C26TM1	<u>phong</u>	6.5	Sau năm	
21	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	30/11/2006	C26TM1	<u>Quynh</u>	6.0	Sau không	
22	2410160023	Nguyễn Như	11/11/2006	C26TM1	<u>Quynh</u>	8.0	Tam không	
23	2410100014	Nguyễn Lê Băng	20/04/2006	C26TM1	<u>Đac</u>	5.5	Năm năm	
24	2410160007	Lâm Trung	10/07/1994	C26TM1	<u>Đac</u>	9.0	Chín không	
25	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	06/11/2006	C26TM1	<u>Đc</u>	7.0	Bảy không	
26	2410160014	Trương Thảo	26/04/2006	C26TM1	<u>Đc</u>	6.0	Sau không	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006	C26TM1		6.0	Sai không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 27 .

Ngày: 26 tháng 6 năm 2025 .

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hân

Ngày: 25 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thị Lê Hoàng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMDT) - MH1104232

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110423202 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/5/25 Giờ thi: 10:00 Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005	C26TM2	<u>Bảo</u>	5.0	Năm không	
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	C26TM2	<u>B</u>	5.0	Năm không	
3	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	C26TM2	<u>Đạt</u>	10	Mười chẵn	
4	2410160051	Võ Tấn Hào	26/09/2005	C26TM2	<u>Hào</u>	5.0	Năm không	
5	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	C26TM2	<u>Hoàng</u>	5.0	Năm không	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	C26TM2	<u>Hồng</u>	8.0	Tám không	
7	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	C26TM2	<u>Huy</u>	7.5	Bảy năm	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	C26TM2	<u>Khoa</u>	7.5	Bảy năm	
9	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	C26TM2	<u>Lâm</u>	7.0	Bảy không	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	C26TM2	<u>Như</u>	5.5	Năm năm	
11	2410160039	Nguyễn Phong	25/05/2006	C26TM2				L2
12	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	C26TM2	<u>Thảo</u>	5.0	Năm không	
13	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	C26TM2	<u>Thông</u>	5.0	Năm không	
14	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	C26TM2	<u>Thư</u>	5.0	Năm không	
15	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	C26TM2	<u>Thy</u>	5.0	Năm không	
16	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	C26TM2	<u>Trinh</u>	7.0	Bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 01 . Số bài thi: 15 / 16 .

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 .

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Ngày 28 tháng 5 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Thế Lê Hoàng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT) - MH1104232

Mã lớp học phần: 24311MH110423202 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng - (05042)

Ngày thi: 20/6/25 Giờ thi: 10:00 Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005	C26TM2	Bảo	5.0	Năm không	
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	5.5	Năm năm	
3	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	C26TM2	Đ	6.5	Sáu năm	
4	2410160051	Vô Tấn Hào	26/09/2005	C26TM2				
5	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	C26TM2	Hoàng	6.0	Sáu không	
6	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	C26TM2	Hồng	6.0	Sáu không	
7	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	C26TM2	Huy	7.0	Bảy không	
8	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	C26TM2	Khoa	6.5	Sáu năm	
9	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	C26TM2	Lâm	7.0	Bảy không	
10	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	C26TM2	như	5.5	Năm năm	
11	2410160039	Nguyễn Phong	25/05/2006	C26TM2				
12	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	C26TM2	thao	6.0	Sáu không	
13	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	C26TM2	Thông	5.5	Năm năm	
14	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	C26TM2	Thư	6.0	Sáu không	
15	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	C26TM2	Thy	6.0	Sáu không	
16	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	C26TM2	Trinh	6.5	Sáu năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

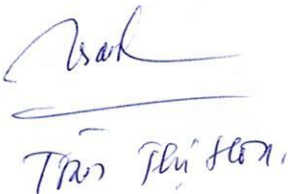
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 02 Số bài thi: 14 / 16

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

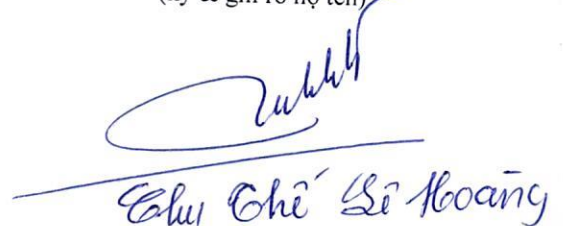
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 25 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Chu Thế Lê Hoàng

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMDT) - MH1104232

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110423202 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Trần Văn Long

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

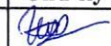
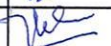
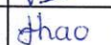
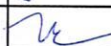
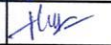
Ngày thi: 25/07/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006					C26TM1	
2	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994					C26TM1	
3	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006					C26TM2	
4	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006					C26TM1	
5	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006					C26TM2	
6	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006					C26TM2	
7	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006					C26TM2	
8	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006					C26TM2	
9	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006					C26TM1	
10	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yến	25/02/2006					C26TM1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

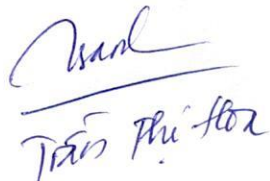
Tổng số sinh viên dự thi: 10 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 10 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

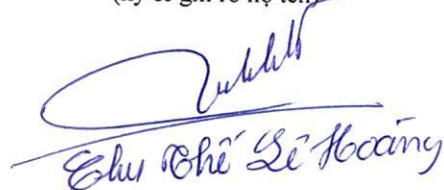
P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú HòaNgày 26 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Chu Thế Lê Hoàng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT)

Mã bài thi: KG3YK7

Thời gian thi: 25/07/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 25/07/2025 16:15:00

Giám thị 1: V.T.N. Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: V.V. Long Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C26TM1	
2	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C26TM1	
3	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C26TM2	
4	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TM1	
5	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TM2	
6	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26TM2	
7	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C26TM2	
8	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TM2	
9	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TM1	
10	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yên	25/02/2006	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TM1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 10

Số sinh viên đạt: 8

Ngày 27 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thu Hoa

Ngày 26 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Chu Chế Lê Hoàng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

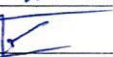
Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT) - MH1104232

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110423202 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Cao Văn Tài

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 25/07/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 2

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006					C26TM1	
2	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005					C26TM2	
3	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006					C26TM2	
4	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006					C26TM2	
5	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Doan	11/05/2006					C26TM1	
6	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006					C26TM1	
7	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006					C26TM1	
8	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005					C26TM2	
9	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000					C26TM1	
10	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004					C26TM2	
11	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005					C26TM2	
12	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006					C26TM1	
13	2410160004	Phan Nhật Huy	10/7/2004					C26TM1	
14	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006					C26TM1	
15	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006					C26TM1	
16	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004					C26TM2	
17	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006					C26TM1	
18	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003					C26TM2	
19	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006					C26TM1	
20	2410160019	Dương Hiếu Ly	04/04/2000					C26TM1	
21	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006					C26TM1	
22	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006					C26TM1	
23	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006					C26TM1	
24	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006					C26TM2	
25	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004					C26TM1	
26	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002					C26TM1	
27	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005					C26TM1	
28	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005					C26TM1	
29	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006					C26TM1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006	<i>Quỳnh</i>				C26TM1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 30 / 1

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 27 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Karl
Trần Phú Hòa

Ngày 26 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Chu Chế Sĩ Hoàng

TRƯỜNG CĐBC C
PHÒNG KI
BẢO ĐẢM C

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành (Logistics & TMĐT)

Mã bài thi: V78GID

Thời gian thi: 25/07/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 25/07/2025 16:15:00

Giám thị 1: Phạm Thị Ngọc Ký tên: Phạm Thị Ngọc

Giám thị 2: Cao Văn Tươi Ký tên: Cao Văn Tươi

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TM1	
2	2410160047	Nguyễn Phạm Gia Bảo	04/02/2005	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	3.8	Ba, tám	C26TM2	
3	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	4.2	Bốn, hai	C26TM2	
4	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TM2	
5	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm Đoàn	11/05/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	4.8	Bốn, tám	C26TM1	
6	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải Hân	17/07/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	5.2	Năm, hai	C26TM1	
7	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	6.2	Sáu, hai	C26TM1	
8	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	9.4	Chín, bốn	C26TM1	
9	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TM2	
10	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	3.4	Ba, bốn	C26TM2	
11	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	02/05/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	4.8	Bốn, tám	C26TM1	
12	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	2.8	Hai, tám	C26TM1	
13	2410160004	Phan Nhật Huy	10/07/2004	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	9.8	Chín, tám	C26TM1	
14	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	10	Mười	C26TM2	
15	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	6.8	Sáu, tám	C26TM1	
16	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	4	Bốn	C26TM2	
17	2410160027	Nguyễn Đăng Khôi	27/08/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TM1	
18	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	4.8	Bốn, tám	C26TM2	
19	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	8	Tám	C26TM1	
20	2410160019	Dương Hiếu Ly	04/04/2000	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	7.8	Bảy, tám	C26TM1	
21	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	4.8	Bốn, tám	C26TM1	
22	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	9.6	Chín, sáu	C26TM1	
23	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	3.8	Ba, tám	C26TM1	
24	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	4	Bốn	C26TM2	
25	2410160006	Trần Thị Kiều Oanh	19/05/2004	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TM1	
26	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	9.8	Chín, tám	C26TM1	
27	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	8.4	Tám, bốn	C26TM1	
28	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TM1	
29	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	9	Chín	C26TM1	
30	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006	<u>Phạm Thị Ngọc</u>	9.2	Chín, hai	C26TM1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 26

Ngày 27 tháng 7 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc
Phạm Thị Ngọc

Ngày 26 tháng 7 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc
Phạm Thị Ngọc